

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MÙƠI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/DS-ST.

Ngày: 07/5/2019.

“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MÙƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ánh.

2. Ông Đào Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi, Thư ký Tòa án Huyện.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên
Tòa:** Ông Huỳnh Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05-23/4; 02- 07/5/2019, tại Trụ sở Tòa án huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 31/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên Tòa số 25/2019/QSSST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên Tòa số 39/2019/QSSST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp MN 1, xã MQ, huyện X, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lâm Tấn P, sinh năm 1975.

Lê Minh N, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Ấp MT 1, xã MQ, huyện X, Đồng Tháp.

(Anh Nguyễn Văn V có mặt tại phiên Tòa, anh Lâm Tấn P và chị Lê Minh N vắng mặt tại phiên Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Nguyên vào ngày 24/8/2017 (dương lịch) anh Lâm Tấn P có vay của anh số tiền 350.000.000đồng có biên nhận, anh P nói vay tiền để buôn bán vì gia đình anh P kinh doanh đồ mủ ở chợ Mỹ Quý, với lãi suất 2%/tháng; đến nay đã 8 tháng ông P chưa đóng lãi mỗi tháng 700.000đồng/tháng x 8 = 5.600.000đồng.

Ngày 02/10/2017 (dương lịch) anh P có vay thêm số tiền là 50.000.000 đồng có biên nhận lãi suất 2%/tháng, đến nay đã 6 tháng chưa đóng lãi. Tổng cộng vốn và lãi là 50.600.000đồng.

Ngày 20/11/2017 (dương lịch) anh P có vay thêm số tiền là 100.000.000 đồng, có biên nhận lãi suất 2%/tháng; đến nay đã 5 tháng chưa đóng lãi. Tổng cộng vốn và lãi là 101.000.000đồng.

Nhiều lần anh yêu cầu anh P trả số tiền vay nhưng anh P cứ hẹn mà không trả. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P và chị N có trách nhiệm liên đới trả cho anh 500.000.000đồng tiền vay và 7.200.000đồng tiền lãi.

Tại phiên Tòa, anh Nguyễn Văn V rút một phần và thay đổi yêu cầu khởi kiện: Anh Nguyễn Văn V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi là 7.200.000 đồng; anh V chỉ yêu cầu anh Lâm Tấn P và chị Lê Minh N trả số tiền vốn của ba biên nhận (biên nhận ngày 24/8/2017, biên nhận ngày 02/10/2017; biên nhận ngày 20/11/2017) với số tiền là 490.000.000 đồng; đối với phần liên đới trả số tiền 490.000.000 đồng, thì anh Nguyễn Văn V chỉ yêu cầu chị Lê Minh N cùng liên đới với anh P, trả cho anh V số tiền 300.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn V yêu cầu anh Lâm Tấn P trả số tiền vay còn nợ là 190.000.000 đồng.

- Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Lâm Tấn P trình bày: Anh thừa nhận có vay của anh V lần đầu tiên 30.000.000đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 150.000đ/1.000.000đ/ tháng, anh đóng lãi được 05 tháng thì anh V hạ số tiền lãi xuống 60.000đồng/1 triệu/1 tháng. Sau đó không có tiền trả lãi, nên anh vay thêm để đóng lãi; đến ngày 24/8/2017 thì hai bên chốt nợ là anh nợ anh V 350.000.000đồng; đến ngày 02/10/2017 anh không có tiền đóng lãi, nên vay thêm của anh V 50.000.000 đồng nhưng anh V giao cho anh chỉ 10.000.000đồng, còn 40.000.000đồng còn lại đã trừ vào tiền lãi đóng lại cho anh V. Đến ngày 20/11/2017 anh có vay của anh V 100.000.000 đồng, anh đóng lãi cho anh V 24.000.000đồng, còn lại 76.000.000đồng thì anh tiêu xài cá nhân. Các biên nhận anh V xuất trình cho Tòa án anh thừa nhận là chữ ký của anh và anh ghi họ tên, còn nội dung biên nhận do bên anh V viết. Nay anh V yêu cầu anh trả vốn và lãi là 507.200.000 đồng anh không đồng ý, anh xin trả anh V 300.000.000đồng, lý do trước đây anh đã đóng lãi cho anh V rất nhiều.

- Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và phiên tòa ngày 23 tháng 4 năm 2019 chị Lê Minh N trình bày: Chị thừa nhận anh P có vay tiền của anh V, chữ ký trong biên nhận và ghi họ tên là của anh P, nhưng anh P vay bao nhiêu tiền thì chị không biết số tiền cụ thể. Nay anh V yêu cầu chị và anh P liên đới trả 507.200.000 đồng chị không đồng ý; tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải chị đồng ý cùng liên đới với anh P trả cho anh V số tiền 300.000.000 đồng; nhưng tại phiên tòa ngày 23 tháng 4 năm 2019 chị không đồng ý liên đới cùng anh P trả cho anh V số tiền 300.000.000 đồng.

- *Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nên không có ý kiến gì; những người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án; riêng bị đơn thực hiện không đúng, vắng mặt không lý do trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa xét xử; vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Bị đơn là anh Lâm Tấn P thừa nhận, các biên nhận anh V xuất trình cho Tòa án gồm biên nhận ngày 24/8/2017 (dương lịch) vay 350.000.000 đồng, biên nhận ngày 02/10/2017 (dương lịch) vay 50.000.000 đồng, biên nhận ngày 20/11/2017 (dương lịch) vay 100.000.000 đồng; anh P thừa nhận là chữ ký của anh và anh ghi họ tên còn nội dung biên nhận do bên anh V viết. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lâm Tấn P còn cho rằng, anh có vay tiền của anh V nhưng khoản tiền vay không đến 500.000.000 đồng, do anh V cộng dồn lãi rồi viết biên nhận; nhưng anh P không có chứng cứ để chứng minh cho vấn đề này. Xét yêu cầu khởi kiện của anh V, cũng như việc rút yêu cầu và thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu chị N và anh P cùng liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng, anh P trả số tiền vay còn lại là 190.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, chị N đồng ý cùng anh P trả số tiền 300.000.000 đồng cho anh V; anh P không có chứng cứ để chứng minh là anh V cộng dồn phần lãi, nên anh P phải có nghĩa vụ trả số tiền còn lại là 190.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V, buộc anh Lâm Tấn P và chị Lê Minh N cùng liên đới trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 300.000.000 đồng; buộc anh Lâm Tấn P phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 190.000.000 đồng; đình chỉ đối với phần yêu cầu anh V đã rút tại phiên Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, xét thấy tại phiên tòa bị đơn là anh Lâm Tấn P và chị Lê Minh N vắng mặt lần thứ hai không lý do; nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Lâm Tấn P và chị Lê Minh N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên Tòa, anh Nguyễn Văn V rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu phần tiền lãi là 7.200.000 đồng, chỉ yêu cầu chị Lê Minh N cùng liên đới với anh P trả cho anh V số tiền 300.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn V yêu cầu anh Lâm Tấn P, trả số tiền vay còn nợ là 190.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu của anh V là tự nguyện; cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với phần yêu cầu mà anh V đã rút yêu cầu.

[3] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn V, về việc yêu cầu chị Lê Minh N cùng liên đới với anh P trả cho anh V số tiền 300.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn V yêu cầu anh Lâm Tấn P trả số tiền vay còn nợ là 190.000.000 đồng, cho ba khoản vay của ba biên nhận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Theo lời trình bày của anh Nguyễn Văn V, thì anh có cho anh Lâm Tấn P vay ba khoản vay gồm: Khoản vay ngày 24/8/2017 (dương lịch) cho anh P vay 350.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng; khoản vay ngày 02/10/2017 (dương lịch) anh P vay 50.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng; khoản vay ngày 20/11/2017 (dương lịch) anh P vay 100.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng; tổng cộng ba khoản vay với số tiền là 500.000.000 đồng; các biên nhận do anh V viết nội dung còn chữ ký và chữ viết phần người nhận và người mượn là do anh P ký và viết ra.

[5] Đối với lời trình bày anh Lâm Tấn P, trình bày tại biên bản hòa giải; anh Lâm Tấn P thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các biên nhận mà anh Nguyễn Văn V xuất trình cho Tòa án, để khởi kiện anh, là do anh ký tên và viết họ tên Lâm Tấn P; còn nội dung do anh V viết; nhưng tại biên bản hòa giải anh P cho rằng thực tế anh có vay tiền của anh V, nhưng số tiền vay không đến 500.000.000 đồng; do anh V cộng dồn lãi vào gốc nên mới ra số tiền 500.000.000 đồng, nên anh chỉ đồng ý trả cho anh V số tiền 300.000.000 đồng.

[6] Chị Lê Minh N hiện là vợ của anh Lâm Tấn P, theo biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, chị N đồng ý cùng liên đới với anh P trả số tiền vay của ba biên nhận là 300.000.000 đồng, vì chị N cho rằng anh P vay không đến 500.000.000 đồng, do anh V cộng dồn lãi vào gốc nên mới ra số tiền vốn của ba biên nhận là 500.000.000 đồng.

[7] Qua lời trình bày của anh V trong quá trình giải quyết vụ án, anh P tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, lời trình bày của chị Lê Minh N, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V là có căn cứ. Bởi lẽ, ba khoản vay mà anh P vay của anh V, cụ thể ngày 24/8/2017 (dương lịch) cho anh P vay 350.000.000 đồng; khoản vay ngày 02/10/2017 (dương lịch) anh P vay 50.000.000 đồng; khoản vay ngày 20/11/2017 (dương lịch) anh P vay 100.000.000 đồng; tổng cộng ba khoản vay với số tiền là 500.000.000 đồng; các biên nhận do anh V viết nội dung, còn chữ ký và chữ viết phần người nhận và người mượn là do anh P ký và viết ra; đây là tình tiết không phải chứng minh, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, do các bên đương sự thừa nhận và trình bày thống nhất với nhau.

[8] Đối với lời trình bày của anh Lâm Tấn P, anh P nại ra rằng, có vay tiền của anh V, theo ba biên nhận mà anh V xuất trình; nhưng số tiền vay khoản 300.000.000 đồng, nhưng anh V khởi kiện 500.000.000 đồng anh không đồng ý trả, do anh V cộng dồn lãi vào vốn; nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh P không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình; Tòa án cũng có Thông báo số 12/TB-TA, ngày 20 tháng 3 năm 2019, về việc yêu cầu anh Lâm Tấn P cung cấp chứng cứ, để chứng minh việc anh V cộng dồn số tiền lãi của các khoản vay thành tiền gốc của ba biên nhận là 500.000.000 đồng, nhưng anh P không cung cấp cho Tòa cũng như không đến dự phiên Tòa. Cho nên, việc nại ra là anh V cộng dồn số tiền lãi vào số tiền gốc như anh P trình bày là không có căn cứ, để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với chị Lê Minh N là vợ của anh Lâm Tấn P; anh V yêu cầu chị N cùng liên đới với anh Lâm Tấn P trả số tiền 300.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy tại phiên tòa ngày 23 tháng 4 năm 2019 chị N không đồng ý cùng anh P liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng cho anh V; nhưng chị N cho rằng, chị và anh P là vợ chồng còn sống chung với nhau, anh P vay tiền của anh V chị không biết, khi anh V đến đòi tiền vay của anh P thì chị có biết; nhưng theo chị số tiền vay không đến 500.000.000 đồng, do anh V cộng dồn lãi vào gốc; mặt khác, tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, chị N lại cho rằng nếu có trả tiền vay cho anh V thì chị đồng ý cùng với anh P liên đới trả cho anh V số tiền 300.000.000 đồng; trong quá trình giải quyết vụ án chị N cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác, để chứng minh anh V cộng dồn phần tiền lãi vào gốc. Cho nên, yêu cầu của anh V là yêu cầu chị N cùng với anh P liên đới trả số tiền vay 300.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[10] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc khởi kiện của anh Nguyễn Văn V là có căn cứ; nên chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn V. Buộc anh Lâm Tấn P cùng liên đới với chị Lê Minh N phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền là 300.000.000 đồng; buộc anh Lâm Tấn P có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền là 190.000.000 đồng.

[11] Do yêu cầu của anh Nguyễn Văn V được chấp nhận, nên anh P, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V.

Buộc anh Lâm Tấn P và chị Lê Minh N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Buộc anh Lâm Tấn P có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn V số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn V số tiền 12.144.000 đồng là tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0007569 ngày 04/3/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

+ Anh Lâm Tấn P và chị Lê Minh N phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Lâm Tấn P phải chịu 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ (Thi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Ngọc